TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã IY, huyện IG, tỉnh G.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị Thu H Sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Đinh Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Đinh Thị Thu H tự nguyện thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung và nuôi con chung: Anh T và chị H công nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là: Nguyễn Hữu Anh T1, sinh ngày 06/10/2011 và Nguyễn Hữu Đăng K, sinh ngày 13/8/2015.

Theo nguyện vọng của con, anh T và chị H tự nguyện thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hữu Anh T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hữu Đăng K cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh T và chị H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hòa giải thành được giảm 50% án phí = 150.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu T tự nguyện chịu hết 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003066 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ KIM THOA